

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

| NỘI DUNG                                       | DỰ TOÁN       | NỘI DUNG CHI             | DỰ TOÁN       |
|------------------------------------------------|---------------|--------------------------|---------------|
| TỔNG SỐ THU                                    | 7,346,541,000 | TỔNG SỐ CHI              | 7,346,541,000 |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100%                 | 125,000,000   | I. Chi đầu tư phát triển | 3,000,000,000 |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)     | 3,213,600,000 | II. Chi thường xuyên     | 4,284,241,000 |
| III. Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương |               | III. Dự phòng            | 62,300,000    |
| IV. Thu bổ sung                                | 4,007,941,000 |                          |               |
| - Bổ sung cân đối                              | 4,007,941,000 |                          |               |
| - Bổ sung có mục tiêu                          | -             |                          |               |
| IV. Thu chuyển nguồn                           |               |                          |               |

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

| STT        | NỘI DUNG                                                     | DỰ TOÁN NĂM 2022     |                      |
|------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|            |                                                              | THU NSNN             | THU NSX              |
| A          | B                                                            | 3                    | 4                    |
|            | <b>TỔNG THU</b>                                              | <b>7,346,541,000</b> | <b>7,346,541,000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Các khoản thu 100%</b>                                    | <b>187,000,000</b>   | <b>187,000,000</b>   |
|            | Phí, lệ phí                                                  | 15,000,000           | 15,000,000           |
|            | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác               | 125,000,000          | 125,000,000          |
|            | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp                        | -                    | -                    |
|            | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định                        | -                    | -                    |
|            | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo   | -                    | -                    |
|            | Đóng góp của nhân dân theo quy định                          | -                    | -                    |
|            | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân                  | -                    | -                    |
|            | Thu khác                                                     | 47,000,000           | 47,000,000           |
| <b>II</b>  | <b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>      | <b>3,151,600,000</b> | <b>3,151,600,000</b> |
| 1          | Các khoản thu phân chia                                      | 82,000,000           | 82,000,000           |
|            | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                           | 13,000,000           | 13,000,000           |
|            | - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình            | -                    |                      |
|            | - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh               | 9,000,000            | 9,000,000            |
|            | - Lệ phí trước bạ nhà, đất                                   | 60,000,000           | 60,000,000           |
| 2          | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định            | 3,069,600,000        | 3,069,600,000        |
|            | - Thuế thu nhập cá nhân từ hộ kinh doanh                     | 23,200,000           | 23,200,000           |
|            | - Thuế giá trị kinh doanh từ hộ kinh doanh                   | 46,400,000           | 46,400,000           |
|            | - Thu tiền cấp quyền sử dụng đất                             | 3,000,000,000        | 3,000,000,000        |
|            | - Thu điều tiết xã khoản thuế khác                           | -                    |                      |
| <b>III</b> | <b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b> | -                    | -                    |
| <b>IV</b>  | <b>Thu chuyển nguồn</b>                                      | -                    | -                    |
| <b>V</b>   | <b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>                        | -                    | -                    |
| <b>VII</b> | <b>Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương</b>             | -                    |                      |
| <b>VI</b>  | <b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>                     | <b>4,007,941,000</b> | <b>4,007,941,000</b> |
|            | - Thu bổ sung cân đối                                        | 4,007,941,000        | 4,007,941,000        |
|            | - Thu bổ sung có mục tiêu                                    | -                    |                      |

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

| STT | NỘI DUNG                                                   | DỰ TOÁN NĂM 2023 |                   |               |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|---------------|
|     |                                                            | TỔNG SỐ          | ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | THƯỜNG XUYÊN  |
| A   | B                                                          | 1=2+3            | 2                 | 3             |
|     | TỔNG CHI                                                   | 7,346,541,000    | 3,000,000,000     | 4,346,541,000 |
|     | Trong đó                                                   |                  |                   |               |
| 1   | Dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội                     | 417,404,000      |                   | 417,404,000   |
| 2   | Chi giáo dục                                               | 15,000,000       |                   | 15,000,000    |
| 3   | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ                        | -                |                   |               |
| 4   | Chi y tế                                                   | 18,149,000       |                   | 18,149,000    |
| 5   | Chi văn hóa, thông tin                                     | 9,000,000        |                   | 9,000,000     |
| 6   | Chi phát thanh, truyền thanh                               | 35,000,000       |                   | 35,000,000    |
| 7   | Chi thể dục thể thao                                       | 10,000,000       |                   | 10,000,000    |
| 8   | Chi bảo vệ môi trường                                      | 30,026,000       |                   | 30,026,000    |
| 9   | Chi các hoạt động kinh tế                                  | 3,062,990,000    | 3,000,000,000     | 62,990,000    |
| 10  | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 3,500,820,000    |                   | 3,500,820,000 |
| 11  | Chi cho công tác xã hội                                    | 185,852,000      |                   | 185,852,000   |
| 12  | Chi khác                                                   | -                |                   |               |
| 13  | Dự phòng ngân sách                                         | 62,300,000       |                   | 62,300,000    |

## DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

| NỘI DUNG                                         | ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 |     |                       | KẾ HOẠCH NĂM 2023 |     |                       |
|--------------------------------------------------|------------------------|-----|-----------------------|-------------------|-----|-----------------------|
|                                                  | THU                    | CHI | CHÊNH LỆCH<br>(+) (-) | THU               | CHI | CHÊNH LỆCH<br>(+) (-) |
| TỔNG SỐ                                          |                        |     |                       |                   |     |                       |
| 1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài<br>ngân sách |                        |     |                       |                   |     |                       |
| Không phát sinh                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
|                                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
|                                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
|                                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
| 2. Các hoạt động sự nghiệp                       |                        |     |                       |                   |     |                       |
| Không phát sinh                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
|                                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
|                                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
|                                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
|                                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |
|                                                  |                        |     |                       |                   |     |                       |

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi  
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi